TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12**/2023/HS-ST
Ngày: 14/02/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S.D, TỈNH T.Q

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Minh Khánh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Hạnh.

2. Ông Trần Hữu Lượng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện S.D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S.D tham gia phiên toà: Lương Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 14/02/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S.D, tỉnh T.Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2023/TLST- HS ngày 05 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HS, ngày 31 tháng 01 năm 2023, đối với bị cáo:

T.T.M, sinh ngày 25/7/1985 tại huyện S.D, tỉnh T.Q. Nơi cư trú: Thôn K.X, H.L, huyện S.D, tỉnh T.Q; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông T.V.T (đã chết) và bà V.T.Đ, sinh năm 1948; Chồng: H.K.Đ, sinh năm 1981; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2015; anh chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là con thứ 3; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/10/2022 đến ngày 21/12/2022, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh. (*có mặt*).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* N.T.T.H, sinh năm 1986; trú tại: Thôn Lương Thiện, xã Trường Sinh, huyện S.D, tỉnh T.Q. (*Có đơn xin xét xử vắng mặt).*

- *Người làm chứng:*

1, T.T.H, sinh năm 1997; trú tại: Thôn K.P, xã V.H, huyện B.Q, tỉnh H.G. (*Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

2, L.V.H, sinh năm 1984; trú tại: Thôn V.Q, xã S.N, huyện S.D, tỉnh T.Q. *(Vắng mặt)*

3, H.M.L, sinh năm 1994; trú tại: Thôn G.C, xã P.L, huyện S.D, tỉnh T.Q. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 5/2013, T.T.M mở quán kinh doanh dịch vụ karaoke, tên cơ sở kinh doanh "*Đắng Mười*". Quá trình kinh doanh Mười thuê T.T.H, sinh năm 1997, trú tại K.P, xã V.H, huyện B.Q, tỉnh H.G; N.T.T.H, sinh năm 1986, trú tại thôn Lương Thiện, xã Trường Sinh, huyện S.D, tỉnh T.Q; Ka Thị Nhất, sinh năm 1990, trú tại thôn Ba Thuồng, xã Phúc Lợi, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái và Nguyễn Thị Hà, sinh năm 1987, trú tại thôn Nậm Thanh, xã Ngọc Linh, huyện Vị Xuyên, tỉnh H.G làm nhân viên phục rót bia và bấm bài hát cho khách.

Khoảng 13 giờ ngày 23/10/2022, H.M.L, L.V.H cùng Đỗ Ngọc Liêm đến quán Karaoke Đắng Mười để hát. Mười bố trí phòng hát số 03 và bảo H1, Nhất và Hà vào phục vụ rót bia và bấm bài hát. Khoảng 15 phút sau thì Hưng yêu cầu đổi nhân viên, Mười đồng ý và gọi cho H đến quán. Sau khi đến H vào phòng hát phục vụ, trong quá trình hát Long và Hưng nảy sinh ý định mua dâm với H1 và H, thì H và H1 nói phải hỏi ý kiến của Mười, nếu Mười đồng ý thì mới được đi bán dâm. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, Long, Hưng và Liêm thanh toán tiền và nói với Mười "*Chị cho hai đứa đi chơi với em nhé*" rồi chỉ tay vào H và H1. Mười hiểu ý là xin phép cho nhân viên đi mua bán dâm. Mười đồng ý và nói đưa thêm cho chị 200.000đ (là tiền công môi giới bán dâm) Long và Hưng đồng ý. Mười tính tiền bia và hát hết 1.310.000đ, tính tròn là 1.300.000đ, cộng 200.000đ tiền môi giới bán dâm tổng là 1.500.000đ, Long chuyển tiền qua tài khoản cho Mười. Sau đó Long và Hưng điều khiển xe mô tô đến nhà nghỉ Hoàng La do Nguyễn Thị Bắc, trú tại thôn K.X, xã H.L, huyện S.D làm quản lý, thuê phòng để thực hiện hành vi mua bán dâm, còn H và H1 đến sau. Khi Hưng và H1 đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại phòng 303; Long và H đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại phòng 305, Long đã thanh toán cho H 700.000đ tiền mua dâm, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S.D kiểm tra, phát hiện và lập biên bản vào hồi 15 giờ 10 phút cùng ngày.

Tang vật thu giữ: Số tiền 700.000đ do Nguyễn Thị H giao nộp; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu đen, lắp sim điện thoại Viettel số 0979.683.985, 01 quyển sổ bìa màu xanh trắng, trong có ghi nhiều chữ và số của T.T.M.

Cáo trạng số 08/CT-VKSSD, ngày 03/01/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện S.D đã truy tố T.T.M về tội "*Môi giới mại dâm*" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

- Tuyên bố: Bị cáo T.T.M phạm tội: " *Môi giới mại dâm*".

- Áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo T.T.M 03 năm tù cho hưởng án treo, thử thách 05 năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng: Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Truy thu của bị cáo số tiền 200.000đ sung quỹ nhà nước.

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 700.000 đồng.

+ Trả lại cho bị cáo T.T.M 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu đen lắp sim điện thoại Viettel số 0979.683.985, nhưng giữ lại để đảm bảo công tác thi hành án.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 quyển sổ bìa màu xanh trắng trong sổ có ghi nhiều chữ và số

- Áp dụng: Các Điều 136, 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo khai: Do làm ăn khó khăn, không có khách, muốn thu hút khách đến quán của bị cáo hát karaoke đông hơn và không muốn để các nhân viên của quán chuyển đi quán khác, nên khi có khách hỏi và được sự đồng ý của nhân viên. Bị cáo đã nảy sinh ý định môi giới cho các nhân viên của quán đi bán dâm cho khách. Số tiền bán dâm do nhân viên thỏa thuận bị cáo chỉ thu 200.000đ tiền công môi giới. Nay bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất.

Ngoài lời khai nhận của bị cáo, hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng toàn bộ những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 23/10/2022, tại quán Karaoe Đắng Mười của T.T.M tại thôn K.X, xã H.L, huyện S.D, tỉnh T.Q. T.T.M đã có hành vi môi giới cho T.T.H bán dâm cho L.V.H tại phòng 303 và môi giới cho N.T.T.H bán dâm cho H.M.L tại phòng 305 nhà nghỉ Hoàng La, ở thôn K.X, xã H.L, huyện S.D thì bị Công an huyện S.D kiểm tra phát hiện và lập biên bản. T.T.M được hưởng 200.000đ tiền công môi giới.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S.D truy tố T.T.M về tội *"Môi giới mại dâm"* là đúng người, đúng tội. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự.

[2] Về việc xem xét hành vi của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, xâm phạm đến đạo đức xã hội, nếp sống văn minh, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, đến thuần phong, mỹ tục, sức khỏe con người, và còn là nguyên nhân lây truyền bệnh xã hội, đặc biệt là bệnh HIV- AIDS.

Bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi môi giới mại dâm cho 02 nhân viên quán Karaoke đối với 02 khách mua dâm, bị cáo thu của khách mua dâm 200.000đồng khi các đối tượng đưa nhân viên đi mua bán dâm. Trước khi thực hiện hành vi môi giới ngày 23/10/2022, bị cáo đã có thỏa thuận, thống nhất với 02 nhân viên của mình là phải có sự đồng ý của bị cáo thì các nhân viên mới được đi bán dâm, giá bán dâm do nhân viên tự thỏa thuận với khách, không bán dâm tại quán Karaoke của bị cáo.

Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, có như vậy mới đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương nhất là tội phạm về xâm phạm trật tự công cộng và răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và đường lối xử lý đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo có bố đẻ là Trần Văn Thanh được tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng Ba; có đơn xin được hưởng án treo và có xác nhận của chính quyền địa phương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt cần áp dụng cho bị cáo để có mức án phù hợp.

Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã được phân tích ở trên, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, mặc dù bị cáo phạm tội với hai người nhưng đây là yếu tố định khung hình phạt, không phải là tình tiết tăng nặng, bị cáo có đơn xin giảm nhẹ hình phạt có xác nhận của chính quyền địa phương. Nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương như đề nghị của Viện kiểm sát cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 328 Bộ luật Hình sự.

[4] Về vật chứng:

+ Số tiền 700.000 đồng thu giữ của N.T.T.H là của đối tượng mua dâm trả cho người bán dâm. Đây là khoản tiền có được từ hành vi trái pháp luật nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu đen lắp sim điện thoại Viettel số 0979.683.985, 01 quyển sổ bìa màu xanh trắng trong sổ có ghi nhiều

chữ, xét thấy đây là tài sản của bị cáo phục vụ liên lạc, sinh hoạt hàng ngày nên cần tuyên trả lại cho bị cáo nhưng giữ lại để đảm bảo công tác thi hành án.

+ Số tiền 200.000đ bị cáo thu của người mua dâm, xác định đây là tiền do phạm tội mà có. Tại phiên tòa bị cáo nhất trí nộp lại số tiền trên để sung quỹ nhà nước.

[5] Các vấn đề khác:

Về hành vi mua bán dâm của H.M.L, L.V.H, T.T.H, N.T.T.H Công an huyện S.D đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền.

Đối với Nguyễn Thị Bắc không biết việc H.M.L, L.V.H, T.T.H, N.T.T.H đến nhà nghỉ để mua bán dâm, nên không đề cập xử lý.

Do đó, HĐXX không xem xét.

6] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S.D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện S.D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, người liên quan N.T.T.H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ: Điều 47 Bộ luật hình sự; Các Điều 106, 136, 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên bố: bị cáo **T.T.M** phạm tội: "*Môi giới mại dâm*".

1. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo T.T.M **03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thử thách 05 (năm) năm**. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (14/02/2023).

Giao bị cáo T.T.M cho Ủy ban nhân dân xã H.L, huyện S.D, tỉnh T.Q nơi bị cáo tH trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về vật chứng:

- Trả lại cho bị cáo T.T.M 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu đen lắp sim điện thoại Viettel số 0979.683.985, 01 quyển sổ bìa màu xanh trắng trong sổ có ghi nhiều chữ và số nhưng giữ lại để đảm bảo công tác thi hành án.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/01/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S.D và Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.D).

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền đã tạm giữ là 700.000đ *(Bảy trăm nghìn đồng).*

(Số tiền trên hiện đang trong tài khoản số 3949.0.1064844.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.D mở tại Kho bạc Nhà nước huyện S.D).

- Truy thu của bị cáo số tiền 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) để sung quỹ nhà nước.

3. Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị N.T.T.H được quyền kháng cáo đối với phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh T.Q;*
- *VKSND tỉnh T.Q;*
- *VKSND huyện S.D;*
- *Công an huyện S.D;*
- *Chi cục T.H.A dân sự huyện SD;*
- *Bị cáo;*
- *UBND xã H.L;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Minh Khánh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
Đinh Thị Hạnh - Trần Hữu Lượng	**Hoàng Thị Minh Khánh**